

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH24B1
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Kỹ năng mềm(2)	Tổng quan du lịch(2)	Văn hóa ẩm thực(2)	Marketing du lịch(2)	Sinh lý dinh dưỡng(2)	Thương phẩm và an toàn thực phẩm(2)	Tâm lý khách du lịch(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2458102060784	Nguyễn Quỳnh Anh	22/10/2009	4.0	8.5	6.9	8.0	7.6	5.4	7.5	8.3	6.7	Trung bình
02	2458102060785	Trần Thị Phương Anh	17/10/2009	5.1	7.8	7.4	6.8	7.0	4.7	6.3	7.8	6.4	Trung bình
03	2458102060786	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	20/10/2009	7.7	7.4	9.2	7.6	8.6	9.5	8.6	9.1	8.4	Giỏi
04	2458102060787	Lê Thị Kim Cương	05/03/2009	9.2	7.9	9.4	8.3	9.3	8.0	8.8	9.7	8.9	Giỏi
05	2458102060788	Hà Trường Duy	19/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
06	2458102060789	Trương Minh Tuấn Đạt	14/12/2009	2.0	2.0	2.0	2.4	0.7	1.5	0.6	0.0	1.5	Yếu
07	2458102060790	Phan Tấn Hoàng	30/07/2009	5.4	7.1	7.4	7.2	8.9	6.4	8.4	9.0	7.2	Khá
08	2458102060791	Đặng Thanh Huy	19/01/2009	7.7	6.4	8.4	9.1	8.7	7.4	8.5	8.9	8.1	Giỏi
09	2458102060792	Trần Trung Hữu	01/07/2009	3.8	5.7	7.4	6.1	7.2	5.1	6.2	7.0	5.8	Trung bình
10	2458102060793	Trần Võ Minh Khang	20/12/2009	6.2	8.0	6.1	7.0	5.5	5.3	7.2	8.1	6.6	Trung bình
11	2458102060794	Ngụy Huỳnh Ngân Khánh	19/05/2009	5.3	7.7	5.4	4.9	7.6	7.6	8.2	9.1	6.8	Trung bình
12	2458102060795	Nguyễn Đăng Khoa	24/04/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
13	2458102060796	Trình Huỳnh Tuyết Khương	18/11/2009	3.8	4.9	7.3	2.7	6.1	0.0	1.1	8.2	4.2	Yếu
14	2458102060797	Nguyễn Trung Kiên	13/08/2009	7.0	5.5	6.3	7.7	6.1	7.2	9.0	7.7	7.1	Khá
15	2458102060798	Ngô Nguyễn Phương Long	03/09/2009	2.0	2.7	2.2	2.5	1.5	1.5	0.6	0.0	1.7	Yếu
16	2458102060799	Nguyễn Thị Ngọc Mộng	04/03/2009	6.3	7.7	8.6	7.7	9.0	9.1	9.1	9.3	8.1	Giỏi
17	2458102060800	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/02/2009	7.3	7.5	8.9	8.6	8.5	5.1	8.5	8.8	7.8	Khá
18	2458102060801	Nguyễn Ngọc Nhung	23/08/2009	6.7	7.6	9.3	8.8	7.4	7.7	8.5	7.9	7.8	Khá
19	2458102060802	Dương Thị Ngọc Như	05/09/2009	6.7	8.3	8.2	7.8	7.5	7.2	8.2	8.7	7.7	Khá
20	2458102060803	Đoàn Huỳnh Như	04/05/2009	5.4	7.2	8.2	7.9	6.9	5.6	7.6	8.6	7.0	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Kỹ năng mềm(2)	Tổng quan du lịch(2)	Văn hóa ẩm thực(2)	Marketing du lịch(2)	Sinh lý dinh dưỡng(2)	Thương phẩm và an toàn thực phẩm(2)	Tâm lý khách du lịch(2)	Điểm TB	Xếp loại
21	2458102060804	Văn Tấn	Pháp	11/05/2009	3.2	6.2	3.0	2.7	4.6	1.8	2.4	6.7	3.8	Yếu
22	2458102060805	Nguyễn Duy	Phuong	24/12/2009	6.8	7.1	8.5	7.9	8.0	5.3	6.8	8.5	7.3	Khá
23	2458102060806	Nguyễn Hà Kim	Phượng	25/05/2009	6.6	7.8	7.8	8.7	7.7	6.5	8.6	9.3	7.7	Khá
24	2458102060807	Nguyễn Bích Vân	Tâm	04/04/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
25	2458102060808	Tăng Nguyễn Hoài	Thắng	26/12/2008	3.4	6.0	2.1	2.4	2.0	1.4	1.8	6.3	3.2	Yếu
26	2458102060809	Đặng Huỳnh Thanh	Thư	29/05/2009	8.3	7.6	9.0	9.2	8.6	7.0	6.3	9.0	8.1	Giỏi
27	2458102060810	Phạm Trần Minh	Thư	27/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
28	2458102060811	Phạm Nguyễn Mỹ	Tiên	11/08/2009	7.5	7.9	7.6	7.5	7.8	6.2	7.2	8.9	7.6	Khá
29	2458102060812	Đặng Thùy	Trâm	25/08/2009	7.1	7.4	8.5	8.1	7.5	6.1	7.2	8.2	7.5	Khá
30	2458102060813	Lý Trân	Trân	30/08/2009	6.0	8.0	8.5	8.5	6.9	6.5	7.9	8.2	7.4	Khá
31	2458102060814	Nguyễn Lê Huyền	Trân	11/11/2009	4.1	6.5	8.4	5.9	7.2	5.2	5.2	7.9	6.1	Trung bình
32	2458102060815	Trần Thị Bảo	Trân	03/04/2009	6.7	8.2	8.9	8.6	7.5	7.2	8.6	8.2	7.8	Khá
33	2458102060816	Âu Lê Quốc	Tuấn	10/01/2009	6.5	5.7	6.5	6.3	6.6	4.6	6.3	7.4	6.3	Trung bình
34	2458102060817	Lê Văn	Việt	18/10/2009	6.5	8.1	8.7	8.5	6.8	6.2	8.3	8.5	7.6	Khá
35	2458102060818	Huỳnh Khánh	Vy	28/04/2009	6.7	6.9	6.3	6.9	8.0	6.4	6.3	8.4	7.0	Khá
36	2458102060819	Nguyễn Ngọc Như	Ý	03/01/2009	8.3	7.0	6.9	5.8	7.0	7.3	7.4	7.6	7.3	Khá
37	2458102060820	Nguyễn Thị Kim	Yến	19/07/2009	6.9	7.9	8.7	8.5	8.2	6.5	8.5	9.3	7.9	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái